

## TỪ LỢI THẾ SO SÁNH ĐẾN LỢI THẾ CẠNH TRANH

*TS. Nguyễn Trọng Hoài  
PhốiTrưởng Khoa Kinh tếPhái triệh  
Trường Năi học Kinh tếTP.HCM*

- Nỗ lũng lời theácảnh tranh của một khu vực hay một quốc gia là một nềatai nâng nềoic nhiều nềoic quan tâm. Một số khu vực và quốc gia có gắng chề ra nềiêm yêu và nềiêm mình nềi với nềi thuicảnh tranh của hoi nham nềa ra chính sách kinh tế thích hoi. Khi các nhà kinh tế có gắng chề ra vì trí cảnh tranh của một khu vực hay của một quốc gia thì nềi nềi ra một cuộc tranh cãi khá gay gắt về vấn nềi này. Một số nhà kinh tế cho rằng nềi này là nềi aim ảnh nguy hiệh vì theo hoi còi sủi nhaih làm về những gì mà nềi ta nềi về lời theácảnh tranh của một quốc gia hay của một khu vực. Liệu cảnh tranh của một khu vực hay của một quốc gia còi giống nềi lời theácảnh tranh của một doanh nghiệp hay không? Một quốc gia cảnh tranh còi phải là một quốc gia mà tyi giải hoi nềi giúp hoi ta nềi thang đồ máu dích hay không? Giải nhaih còing nềi còi phải là chề số phần ảnh khá nhaih cảnh tranh quốc tế của một khu vực hay một quốc gia hay không? Tròi phi chúng ta còi câu trả liệu nềi này cho vấn nềi này và những vấn nềi khác nềic nềi ra, nềi còi rui ro do các biệh pháp chính sách nhaih làm gây ra.
- Cuộc thảo luận về cảnh tranh còi theá bắt nềi bằng lý thuyệ về liệ theá so sánh của một quốc gia. Lý thuyệ này dĩa vào sủi khác nhau về các yếu tố sản xuất nềi lao nềi, vốn, tài nguyên giũa các quốc gia. Lý thuyệ này cho rằng một số quốc gia sẽ còi liệ theá so sánh trong những ngành sủi dùng nhiều yếu tố sản xuất mà quốc gia nềi dồi dào. Chaih hoi nềi Việt Nam dồi dào tũng nềi về lao nềi bản kỹ năng nềi còi liệ theá so sánh về các ngành thaih dùng lao nềi nềi đê, da, may.
- Về mặt tròi quan lý thuyệ này khá lý thui. Nôi giúp những nhà hoaih nềi chính sách xác nềi những ngành mà hoi còi liệ theá nềi phân bố một cách còi hiệu quai nguồn lỏic trong nềi kinh tế và nềi còing cho thaiy rằng máu dích quốc tế mang lai liệ ích cho các nềi tham gia cho dù nhaih suai trong các ngành của nềi thap hoi so với các quốc gia khác. Tuy nhiệ những giai thiet làm cô sủi cho nềi không thoi tiến trong hầu hế các ngành nềi giai thiet về còing nghe nềi nhất, không còi liệ theá kinh tế theo quy mô các yếu tố sản xuất không diche chuyệ giũa các quốc gia.
- Với lý thuyệ về liệ theá so sánh, máu dích và sủi chuyệ môi hoi dĩa vào nguồn lỏic (lao nềi, vốn, tài nguyên) giúp cho một quốc gia nềi nềi sủi thoih vô oing. Trong một theá giói mà thòi tròing phần khuic, còi sủi khác biệ về sản phẩm, khác

biết về công nghệ và các ngành công nghiệp công nghệ cao theo quy mô đồng nhỏ lý thuyết lợi thế so sánh không hiểu tại sao các công ty lại thành công trên thị trường thế giới và đạt mức tăng trưởng cao. Một cách tiếp cận mới nhằm trả lời những câu hỏi sau: tại sao một số doanh nghiệp cạnh tranh thành công trong khi một số doanh nghiệp khác thì thất bại trong một ngành? Quốc gia hay khu vực phải làm gì nếu cho công ty công nghệ cao trên thị trường quốc tế? Lý thuyết lợi thế cạnh tranh giải thích sự gia tăng mức sống của các quốc gia dựa vào khả năng nội môi, khả năng tiếp cận nguồn vốn và sự lan truyền công nghệ. Nội dung quan trọng nhất của cạnh tranh của một quốc gia phụ thuộc vào sức cạnh tranh của các ngành công nghiệp của nước mình. Sức cạnh tranh của một ngành lại xuất phát từ năng lực của các doanh nghiệp trong ngành, khả năng nội môi công nghệ sản phẩm, cung cách quản lý của ngành và môi trường kinh doanh. Các nhà quản trị không phải chờ thuận lợi lao động, vốn, tài nguyên thiên nhiên mà là những nhà quản trị do công ty hoặc chính phủ tạo ra. Bốn yếu tố quyết định lợi thế cạnh tranh của một khu vực hay một quốc gia gồm:

- o Chiến lược của doanh nghiệp, cơ cấu và sức cạnh tranh:

Những ngành có chiến lược và cơ cấu phù hợp với các chính sách và chính sách của quốc gia, hoạt động trong môi trường cạnh tranh trong nước càng thuận lợi sẽ có tính cạnh tranh quốc tế mạnh hơn. Chẳng hạn như ngành sản xuất xe hơi của Nhật có một số công ty cạnh tranh mạnh trên thị trường thế giới, một phần là do các công ty này đã cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong nước.

- o Các điều kiện về phía cầu:

Những ngành phải cạnh tranh mạnh mẽ trong nước thì có tính cạnh tranh quốc tế tốt hơn. Thị trường trong nước với số cầu lớn và có những khách hàng nội địa cao và những cạnh tranh trong ngành khốc liệt hơn sẽ có khả năng cạnh tranh cao hơn.

- o Các ngành công nghiệp hỗ trợ và liên quan:

Tính cạnh tranh của một ngành phụ thuộc vào sức mạnh của các nhà cung cấp các nhập liệu và các dịch vụ hỗ trợ. Các nhà cung cấp nhập liệu có khả năng cạnh tranh trên toàn cầu có thể mang lại lợi thế cạnh tranh thông qua sự lan truyền công nghệ. Sự hiện diện của công nghiệp tạo ra cho doanh nghiệp lợi thế kinh tế theo quy mô

- o Các hiệu ứng về các yếu tố sản xuất: bao gồm chất lượng lao động, vốn và công nghệ cao trong khu vực hay quốc gia sẽ ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của ngành, của khu vực và của cả quốc gia. Ở đây chúng ta nhận thấy chất lượng của các yếu tố này vào một phần nào đó ra khỏi không phải là nguồn lực ban đầu nhờ trình độ của các chuyên gia và các nhà quản lý kỹ năng của người lao động.
- Một quốc gia có lợi thế cạnh tranh trong những ngành khi người ta tìm thấy 4 yếu tố cơ bản trên khai thác. Đây là những khu vực mà chính phủ nên tập trung nỗ lực của họ nhằm thúc đẩy lợi thế cạnh tranh.
- Một vấn đề tranh luận hiện nay là có gì khác nhau giữa khả năng của một doanh nghiệp, một ngành, một khu vực và một quốc gia? Khả năng cạnh tranh này tiến một bước đi trong lý thuyết về các công nghiệp. Một doanh nghiệp một bước đi về cạnh tranh khi nó có thể nâng vantage trên thị trường bằng cách sản xuất ra những sản phẩm tốt hơn với các đặc tính về chất lượng hay dịch vụ cao hơn nhập ổng một thì hiệu khách hàng trong một trường cạnh tranh (không có rào cản hay rào cản). Một doanh nghiệp cạnh tranh không thành công sẽ bị đẩy ra khỏi thị trường trở lại cái thế một hoạt động của nó. Lợi ích mà một doanh nghiệp nhận được trong cạnh tranh không tranh khởi gây ra tổn thất cho nó thì cạnh tranh. Cạnh tranh của doanh nghiệp trong một ngành nào đó mang tính sống còn và một lần trở lại trò chơi mà một bên một thì bên kia phải mất (zero sum game)
- Gần đây người ta mô phỏng khả năng cạnh tranh cho một khu vực và một quốc gia. Cạnh tranh một quốc gia một nhìn nhận nhờ thế nào? Khi khả năng là không có sự nhất trí về nhìn nhận này, lợi thế cạnh tranh của một khu vực hay một quốc gia không thể nhìn nhận nhờ cạnh tranh của một doanh nghiệp. Rõ ràng là cạnh tranh quốc tế không thể này một khu vực hay quốc gia ra khỏi hoạt động kinh doanh giống như doanh nghiệp trên thị trường (chính vì lý do này nên một số nhà kinh tế cho rằng không tồn tại khả năng cạnh tranh khu vực hay quốc gia). Một số nhà kinh tế tìm cách phân biệt cạnh tranh doanh nghiệp và cạnh tranh quốc gia. Cạnh tranh doanh nghiệp chủ yếu tồn tại và tìm kiếm lợi nhuận trên cơ sở cạnh tranh quốc gia hay quốc tế trong khi nó nói với quốc gia cạnh tranh một thể hiện là nâng cao mức sống bằng cách tạo ra một trường kinh doanh nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao năng suất trong một trường nào
- Lợi thế cạnh tranh của một quốc gia có phải một quyết định bởi khả năng xuất khẩu của quốc gia nó hay không? Hiện nay có một số ý kiến cho rằng cạnh tranh của một quốc gia hay của khu vực một thể hiện ở khả năng sản xuất hàng hóa nhập ổng yếu cầu của các ngành cạnh tranh quốc tế của một khu vực hay một

quốc gia. Nhiều nay coi nghĩa là quốc gia hay khu vực coi lỗi thế cạnh tranh nếu lỗi hàng hóa xuất khẩu tăng năng kể vào người ta sẽ dùng thóc nó liên quan nên mẫu dịch quốc tế nhỏ tăng đồ cần cần thông mai nên hình giải khai năng cạnh tranh của một quốc gia. Một số khu vực hay quốc gia tìm cách nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách trợ giúp cho khu vực xuất khẩu nhỏ phải giải phóng bản thể hay trợ cấp xuất khẩu. Thóc ra này là một số nhằm làm. Việc phải giải làm tăng xuất khẩu không hẳn làm cho một quốc gia trở nên cạnh tranh hơn, mà nó chỉ tiết lộ một số là những ngành này thiếu khai năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế bởi lẽ chúng không thể không vắng bằng nói cần của chúng. Thóc ra mẫu dịch quốc tế cần nên cấp nên vẫn nên trao nói coi lỗi cho các bên tham gia giao dịch. Vẫn nên tăng năng suất của các doanh nghiệp mà cuối cùng nó dẫn nên sẽ hình vòng của một quốc gia không phải phụ thuộc vào tăng đồ mẫu dịch. Đồng nhỏ không coi giới hạn trở sẽ hình vòng hay tăng trường mang lại trở sẽ cạnh tranh của một quốc gia. Một số quốc gia vẫn coi thóc nó tăng trường cao, một số của người dân nên năng lên nên kể cho du nhập trong ngoài thông của hội không nên kể ngay cả khi cần cần mẫu dịch của hội.

- Coi thế nói rằng nguồn gốc của một số tăng lên nên quyết nên bởi năng suất mà nó phụ thuộc vào giải trí sản phẩm (liên quan nên chất lượng và sẽ khác biệt sản phẩm) và hiệu quả sản xuất. Năng suất của một quốc gia không phải thể hiện ở các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu mà quan trọng hơn nó con nên thể hiện trong tất cả các doanh nghiệp cùng sản phẩm thì trường trong nên. Vẫn nên quan trọng của tăng năng suất là làm thế nào nên các doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh với nhau và doanh nghiệp nào coi năng lực thóc sẽ coi thế nên vắng nên trên thị trường.
- Năng suất trong một khu vực hay một quốc gia cũng nên thể hiện ở các doanh nghiệp trong nên và nên ngoài chọn lựa vì trí nên nên hoạt nên kinh doanh (lựa chọn vì trí nên trở). Một quốc gia hay một khu vực coi khai năng cạnh tranh khi nó coi các nên chế các chính sách hỗ trợ cho một tăng trường kinh tế cao trong trung hạn. Nên nghĩa này bao hàm khai năng của một quốc gia hay một khu vực trong việc nên nên thanh quả cao và bên vắng về một số. Khai năng này phụ thuộc vào khai năng của các doanh nghiệp trong một quốc gia hay khu vực nên nên năng suất cao và gia tăng năng suất liên tục trong mọi trường cạnh tranh quốc tế. Việc gia tăng năng suất liên tục yêu cầu không những phải cải thiện năng suất của các doanh nghiệp trong ngành hiện hữu bằng cách gia tăng chất lượng sản phẩm và công nghệ mà nó con nên hội nên kinh tế cải thiện một cách liên tục mọi trường kinh doanh mà nó ta ra nên công cho các doanh nghiệp hoạt nên trong mọi trường nên phải liên tục coi nên nên môi và cải thiện công nghệ



## VỊ TRÍ HIỆN THỜI CỦA VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

ThS. Bùi Văn

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

### 1. Vị trí chiến lược toàn cảnh lịch sử

- Năm hàng trăm năm nay, Thành phố Hồ Chí Minh nổi công nhận là trung tâm văn hóa, chính trị và kinh tế của các tỉnh phía Nam.
- Hầu hết những người có trình độ văn hóa cao hay có tiềm năng kinh tế mạnh coi xu hướng di chuyển về thành phố.
- Thành phố là trung tâm, nơi hình thành chính sách cho cả vùng, nơi thời kỳ niềm tập trung các lãnh đạo cả vùng.
- Nơi là một trong những lý do làm cho thành phố có trình độ văn hóa cao nhất, thu nhập bình quân cao nhất so với các tỉnh thành khác.

### 2. Vị trí chiến lược về địa lý

- Nằm nơi cửa các trục giao thông nông biển quốc gia.
- Nằm cuối cửa trục giao thông nông sắt Bắc – Nam (nông sắt trước kia kết nối tại Mỹ Tho nhưng sau đó bị cắt do không hiệu quả).
- Cảng biển chính của các tỉnh phía Nam. Thời nhất, các nhà phòng khác không coi cảng này là nơi cho tàu vào. Thời hai, các nhà phòng khác đua nhau cảng (như Nhà Nước hay Quy Nhơn) nhưng không hàng hóa không nếu quy mô kinh tế nếu tàu nên thông xuyên, nên kết quả là các nhà phòng này vẫn sử dụng cảng thành phố Hồ Chí Minh.
- Nằm nơi văn chuyển hàng hóa và hành khách nông hàng không. Cũng nhờ nông biển, các nhà phòng khác đua nhau sân bay nhưng cũng không nếu quy mô hàng hóa và hành khách nếu lớn nếu các chuyển bay ghe nếu thông xuyên (việc các chuyển bay quốc tế trước tiếp nên Nhà Nước bị tâm ngóng gần đây là một ví dụ).
- Đây cũng là một niềm can lờ trong tổng lại: lời thề về quy mô kinh tế nhỏ trên sẽ mất nếu (có thể trong 5 đến 10 năm tới?) khi các nhà phòng khác phát triển nếu lớn nếu thu hút chuyển bay trước tiếp và tàu nên cảng trước tiếp.

### 3. Xu hướng môi trường thành cũm thay vì một thành phố

- Các thành phố môi trường và liên kết với nhau xung quanh một hạt nhân (khai niệm "greater city" là thành phố lớn và nhà phòng xung quanh có thể hợp chất cheo trong phát triển – khai niệm này thông bị dịch sai trong tiếng Việt do người dịch không hiểu bối cảnh).
- Các cải tiến về giao thông và thông tin là một yếu tố (hầu hết các chính trị gia và người giàu làm việc ở thủ đô Washington DC của Mỹ những thời trước không trong thành phố nếu mà ở hai tiểu bang lân cận là Virginia và Maryland). Các chuỗi doanh nghiệp có thể ở mỗi nhà máy ở Bình Dương và Đồng Nai trong khi các gia đình vẫn ở Thành phố.

- Các cụm công nghiệp không cần phải ôi sát nhau mỗi liên kết nội địa với nhau. Khoảng cách 60 km nên cũng vẫn sẵn bay la thuận tiện chấp nhận nội địa.
- Vấn đề quy mô kinh tế và lao động ngay càng công nghiệp hiện nay: một nhà phòng chế có 5.000 lao động công nghiệp, nhà phòng chế có thể rất nhiều so với một nhà phòng khác có thể 50.000 lao động đang làm trong ngành giày da. Nếu một doanh nghiệp cần tuyển thêm 500 công nhân, nội địa là 1% của số lao động công nghiệp hiện nay. Nếu phải cho thuê 500 công nhân do thiếu vốn nhà hàng, nội địa cũng chỉ là 1% và không khó khăn lắm nếu các doanh nghiệp khác tiếp nhận.
- Quy mô kinh tế của cụm công nghiệp trong việc phân phối lưu thông nội địa vào cũng nhờ nội địa ra của dây chuyền sản xuất.

#### 4. Các ngành công nghiệp tăng trưởng nhanh trong khu vực.

- Thúc đẩy lao động công nghiệp (tổng nội địa phát) giữa các nhà phòng khu trong nội địa. Thành phố Hồ Chí Minh vốn lên nắm nhận các ngành và dịch vụ có hàm lượng tri thức cao: tài chính ngân hàng, tổ chức, bán lẻ, giáo dục, nghiên cứu, sản xuất sản phẩm cao cấp... trong khi các nhà phòng khác không làm do các nhà nội địa nội địa không thể làm tốt nhờ Thành phố
- Hỗ trợ phát triển xuất khẩu lao động quan trọng, không chỉ về mặt doanh thu ngoại tệ tạo việc làm, hay phát triển công nghệ mà là cầu trúc công nghiệp hiện nay. Nhà máy Fujitsu hay Nike là một khâu trong dây chuyền toàn cầu của hãng Fujitsu hay hãng Nike. Đây là những bộ phận nội địa nội địa môi trường sôi động của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu.

#### 5. Những yêu cầu nội địa của khu vực nội địa?

- Các nội địa của cụm công nghiệp là nội địa nhất so với nội địa. Tuy nhiên nhiều mặt không nội địa thành phố cũng nhờ các nội địa nội địa sản xuất và dịch vụ trình độ cao. Nội địa là công nghệ thông tin và các yêu cầu so với các nội địa trong khu vực (xếp hạng sản xuất cho kinh doanh nội địa Việt Nam nội địa 56 trong tổng số 60 nội địa công nghiệp danh sách).
- Dịch vụ chăm sóc phát triển nội địa cao nội địa phục vụ cho sản xuất. Nhiều doanh nghiệp sản xuất và phân phối nội địa dịch vụ cao cấp nội địa ngoại, trong nội địa tài chính ngân hàng, tổ chức, giáo dục nội địa tạo...
- Hai tầng "mềm" là yêu cầu không cần nhiều tiền nội địa cải thiện, những nhà nội địa cải thiện nhanh: hệ thống quản lý hai tầng pháp lý trình độ nội địa minh...
- Nguồn vốn nhà nước cũng là cao nhất trong nội địa. Thành phố Hồ Chí Minh thu hút rất nhiều nhà đầu tư của các nhà phòng khác, những công ty nhà đầu tư nhà đầu tư nhà đầu tư các nội địa khác nhiều nhất.

## GIẢI PHÁP NHẪM NẪNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH VÙNG KINH TẾ TRONG NIỀM PHÍA NAM

*ThS. Trông Quang Hưng  
Khoa Kinh tế Phát triển  
Trường Đại học Kinh tế TP.HCM*

Khu vực chính sách	Hạn chế	Giải pháp
Chính sách khuyến khích		
Chính sách mậu dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ suất bảo hiểm hiệu dụng cao</li> <li>• Chưa tiếp cận được thị trường quốc tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đẩy nhanh rà soát mậu dịch</li> <li>• Nhanh tiến nội gia nhập WTO</li> </ul>
Chính sách cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả</li> <li>• Chưa coi một khuôn khổ cho việc chống độc quyền</li> <li>• Thị trường bị biến dạng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện chương trình tái nhân hóa</li> <li>• Luật cạnh tranh và các cơ quan công chế</li> <li>• Nhiều chính sách khuyến tại của thị trường</li> </ul>
Chính sách phía cung		
Nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lỗi hỏng kỹ năng trong các ngành có lợi thế so sánh</li> <li>• Tài chính hạn chế khu vực công không hiệu quả</li> <li>• Hạn chế chuyển đổi từ doanh nghiệp bị giới hạn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khai thác nhu cầu kỹ năng và kế hoạch nhân lực</li> <li>• Xem lại về chi phí cho dịch vụ nhân lực và coi chính sách hỗ trợ</li> <li>• Chạy ra cho doanh nghiệp về lỗi hỏng kỹ năng và bồi đắp, khâu trở các thuê cho công tác nhân lực huấn luyện</li> </ul>
Hỗ trợ về công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiêu chuẩn về chất lượng kém</li> <li>• Năng suất thấp</li> <li>• Chưa coi mối liên kết giữa tài chính công nghệ và ngành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài trợ một phần cho các SME để nhận các chứng chỉ quốc tế</li> <li>• Thanh lập trung tâm năng suất</li> </ul>

Khu vực chính sách	Hạn chế	Giải pháp
Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chiến lược thu hút FDI chưa nhất quán</li> <li>Không coi mối quan hệ với các nhà đầu tư tiềm năng</li> <li>Các EPZ không cạnh tranh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển chiến lược FDI hướng vào những khu vực mũi nhọn</li> <li>Phát triển các trung tâm xúc tiến đầu tư đối nước ngoài nhằm kiếm lợi nhuận</li> <li>Xem lại những cơ chế của EPZ và có sự thay đổi phù hợp</li> </ul>
Tài trợ vốn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lãi suất cao</li> <li>Thiên lệch bất lợi đối với SMEs</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chính sách tiền tệ và tạo ra sự cạnh tranh trong khu vực ngân hàng</li> <li>Thu hút huan luyen nhân viên ngân hàng và nâng giải tin dụng đối với SMEs và thực hiện chính sách trung lập giữa khu vực tư nhân và nhà nước</li> </ul>
Cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi phí vận chuyển cao</li> <li>Giải dịch vụ internet, điện thoại, điện cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tối đa hóa vận chuyển đối với công ty nước ngoài</li> <li>Tổ nhân hóa các công ty vận chuyển, công ty cung ứng dịch vụ hỗ trợ với biện pháp nhiều tiết kiệm</li> </ul>